

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 472/2019/HNGĐ – ST

Ngày 08-10- 2019.

V/v tranh chấp “ Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Ngọc Sơn.

2. Ông Lê Văn Mút

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khánh Nguyên– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú - tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quý- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 N 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 3349/2019/TLST– HNGĐ ngày 12 tháng 6 N 2019 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2249/2019/QĐST– HNGĐ ngày 09 tháng 9 N 2019 giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp GH A, xã GT, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Chị N có yêu cầu xét xử vắng mặt.

2/. Bị đơn: anh Đỗ Văn Hoài A, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp GHA, xã GT, huyện Thanh Phú , tỉnh Bến Tre.

Anh Hoài A vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn Nguyễn Thị N trình bày:

Vào N 2008 chị với anh Hoài A tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, đến tháng 06 N 2009 chị với anh Hoài A mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Giao Thạnh, huyện Thanh Phú và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/6/2009. Thời gian chung sống chị với anh Hoài A có 02 con chung tên Đỗ Hoài S, sinh ngày 10/02/20xx và Đỗ Thị Trà M, sinh ngày 30/3/20xx, hiện 02 con chung đang

sống chung với anh Hoài A. Chị và anh Hoài A không tạo lập được tài sản chung và không có nợ chung.

Nguyên nhân chị yêu cầu ly hôn với anh Hoài A là do anh Hoài A không lo làm ăn, ghen tuông vô cớ nên tháng 01 N 2019 chị có đơn yêu cầu ly hôn với anh Hoài A tại Tòa án, được gia đình hai bên có hòa giải nên chị với anh Hoài A đã đoàn tụ với nhau nên chị tự nguyện rút đơn khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ nhưng khi về chung sống thì anh Hoài A vẫn không thay đổi nên chị khởi kiện lại yêu cầu ly hôn với anh Hoài A.

Chị với anh Hoài A không còn sống chung khoảng hơn 01 N nay. Khi chúng chị với anh Hoài A không còn sống chung gia đình cha mẹ hai bên có khuyên chị nên hàn gắn với anh Hoài A nhưng chị không đồng ý. Từ khi chị với anh Hoài A không còn sống chung với nhau thì giữa chị với anh Hoài A không có liên lạc với nhau, không có thiện chí hàn gắn tình cảm với nhau. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị với anh Hoài A không thể hàn gắn được nên chị có các yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: chị yêu cầu ly hôn với anh Đỗ Văn Hoài A. Sau khi ly hôn chị không yêu cầu anh Hoài A phải cấp dưỡng cho chị.

- Về con chung: từ khi chị với anh Hoài A không còn sống chung với nhau, con chung do anh Hoài A chăm sóc, chị có nhiều lần đến thăm con thì bị gia đình anh Hoài A ngăn cản, chị có cấp dưỡng nuôi con chung nhưng mẹ anh Hoài A không nhận và không cho chị đến thăm con. Chị nhận thấy anh Hoài A đủ khả năng nuôi con chung, anh Hoài A chăm sóc con chung rất tốt. Hiện nay chị không có chỗ ở ổn định, đang làm thuê nên không thể trực tiếp nuôi và chăm sóc con chung, chị đồng ý giao 02 con chung cho anh Hoài A trực tiếp nuôi, chị đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng, cấp cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu giải quyết

- Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Đỗ Văn Hoài A đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần các thông báo nhưng anh Hoài A vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Nguyên đơn Nguyễn Thị N đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn Đỗ Văn Hoài A chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ lời trình bày của chị N và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; Xét thấy: khoảng N 2018 thì chị N với anh Hoài A phát sinh mâu thuẫn, tháng 01 N 2019 chị N yêu cầu ly hôn với anh Hoài A, được gia đình hai hòa giải nên đã đoàn tụ với nhau, đến tháng 6 N 2019 chị N tiếp tục yêu cầu ly hôn với anh Hoài A. Từ khi N với anh Hoài A không còn sống chung với nhau, cả hai không có thiện chí hàn gắn tình cảm với nhau, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Do đó có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị N với anh Hoài A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 115 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của N. Đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của chị N về việc cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng, cấp cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về quan hệ pháp luật:* Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- *Về thẩm quyền:* anh Đỗ Văn Hoài A có đăng ký hộ khẩu tại 148/1 ấp Giao Hòa A, xã Giao Thạnh, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự N 2015.

- *Về tố tụng:*

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt cho anh Đỗ Văn Hoài A các văn bản tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự anh Hoài A đều không có mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Hoài A.

[2] Về hôn nhân: Vào N 2008 chị N với anh Hoài A tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, đến tháng 06 N 2009 chị với anh Hoài A mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Giao Thạnh, huyện Thạnh Phú và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/6/2009. Do đó, việc kết hôn và đăng ký kết hôn của chị N với anh Hoài A là phù hợp với qui định của pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo chị N, nguyên nhân chị yêu cầu ly hôn với anh Hoài A là do anh Hoài A không lo làm ăn, ghen tuông vô cớ nên tháng 01 N 2019 chị có đơn yêu cầu ly hôn với anh Hoài A tại Tòa án, được gia đình hai bên hòa giải nên chị với anh Hoài A đã hàn gắn với nhau nên chị tự nguyện rút đơn khởi kiện, ngày 18/01/2019 Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án nhưng khi về chung sống với nhau thì anh Hoài A vẫn không thay đổi nên chị khởi kiện lại để yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Hoài A.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần các thông báo, quyết định của Tòa án nhằm tạo điều kiện để chị N với anh Hoài A hòa giải với nhau nhưng anh Hoài A vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị N với anh Hoài A đã lâm vào trình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do chị N không yêu cầu anh Hoài A phải cấp dưỡng sau khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

[3] Về con chung: chị N với anh Hoài A có 02 con chung tên Đỗ Hoài Sang, sinh ngày 10/02/2009 và Đỗ Thị Trà My, sinh ngày 30/3/2006, hiện 02 con chung đang sống chung với anh Hoài A. Theo chị N, anh Hoài A đủ điều kiện nuôi con chung và chăm sóc con chung rất tốt, do chị không có chỗ ở ổn định và không đủ điều kiện nuôi và chăm sóc con chung nên khi ly hôn chị N đồng ý giao 02 con chung cho anh Hoài A trực tiếp nuôi con chung. Đồng thời, tại biên bản lấy ý kiến ngày 29/8/2019 cháu Đỗ Hoài Sang có nguyện vọng sống chung với anh Hoài A. Lễ đó, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, giao 02 con chung Đỗ Hoài S, sinh ngày 10/02/20xx và Đỗ Thị Trà M, sinh ngày 30/3/20xx cho anh Hoài A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp.

Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết chị N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi con, anh Hoài A có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Ghi nhận sự tự nguyện của chị N về việc cấp dưỡng nuôi con chung, cụ thể: chị N có nghĩa vụ cấp dưỡng 02 nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng, cấp dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu giải quyết

[6] Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Nguyễn Thị N phải nộp án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, 227 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự N 2015; Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 115 Luật hôn nhân và gia đình N 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Năm.

1. *Về hôn nhân*: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N. Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Đỗ Văn Hoài A. Chị N không yêu cầu anh anh Hoài A cấp dưỡng khi ly hôn.

2. *Về con chung*: anh Đỗ Văn Hoài A được trực tiếp nuôi con chung tên Đỗ Hoài Sang, sinh ngày 10/02/2009 và Đỗ Thị Trà My, sinh ngày 30/3/2006. Chị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, thời hạn cấp dưỡng được tính kể từ ngày tuyên án.

Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết chị N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi con, chị N có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. *Về tài sản chung*: không có nên không yêu cầu giải quyết

4. *Về nợ chung*: không có nên không yêu cầu giải quyết.

5. *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: chị Nguyễn Thị N phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003885 ngày 12 tháng 6 N 2019 và đã nộp xong.

6. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: chị Nguyễn Thị N phải nộp là 300.000 đồng.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nguyễn Văn Vinh– Nguyễn Văn Chót

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Vân

**Caùc Hoäi thaãm nhaân daân
phieân toaø**

Thaãm phaùn – Chuû toãi

Nguyễn Văn Chót – Phạm Minh Đạt

Huyønh Thò Pheà

